

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THẾ GIỚI
SỐ

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN THẾ GIỚI
SỐ
Date:
2026.10.28
09:23:36 +07'00'



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng.	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.	7 - 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.	9 - 44

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11, Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2026

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban	
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2026
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu tố với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026 đề ngày 28 tháng 10 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phê duyệt, ngày 28 Tháng 10 Năm 2026



Đoàn Hồng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 29)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10,444,245,027,449	10,173,298,405,644
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,026,906,870,819	1,719,673,041,936
1. Tiền	111	4.1	331,147,833,282	338,769,495,658
2. Các khoản tương đương tiền	112	4.2	695,759,037,537	1,380,903,546,278
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		373,238,279,814	783,086,744,327
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	199,890,655,000	772,336,660,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	5.2	(33,667,975,000)	(90,888,205,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.	123	5.1	207,015,599,814	101,638,289,327
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,433,711,592,102	3,105,772,851,192
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	4,259,626,254,765	3,008,158,878,176
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	170,319,100,753	87,505,230,544
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	7	14,759,640,607	12,873,746,896
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	6.1	(10,993,404,023)	(2,765,004,424)
IV. Hàng tồn kho	140		4,323,987,629,417	4,256,474,414,448
1. Hàng tồn kho	141	8	4,536,097,944,872	4,390,361,063,667
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142	8	(212,110,315,455)	(133,886,649,219)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		286,400,655,297	308,291,353,741
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	9	13,814,584,371	16,938,277,823
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	17	271,474,919,792	290,242,666,097
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	17	1,111,151,134	1,110,409,821

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Ngày 30 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 29)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		874,998,425,899	758,590,192,854
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,319,861,963	13,244,678,567
1. Phải thu dài hạn khác	215	7	10,319,861,963	13,244,678,567
II. Tài sản cố định	220		95,363,215,456	123,666,031,096
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	28,142,842,829	53,592,476,863
<i>Nguyên giá</i>	222		88,866,643,850	108,196,137,631
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(60,723,801,021)	(54,603,660,768)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	67,220,372,627	70,073,554,233
<i>Nguyên giá</i>	228		86,138,441,484	85,926,666,484
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(18,918,068,857)	(15,853,112,251)
III. Bất động sản đầu tư	240	12	19,676,514,000	-
<i>Nguyên giá</i>	241		20,785,050,000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	242		(1,108,536,000)	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260	13	557,764,518,166	475,451,749,995
1. Đầu tư vào công ty con	261		534,950,757,083	452,637,988,912
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		40,233,974,607	40,233,974,607
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(17,420,213,524)	(17,420,213,524)
V. Tài sản dài hạn khác	270		191,874,316,314	146,227,733,196
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	9,057,595,914	11,287,531,318
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		182,816,720,400	134,940,201,878
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		11,319,243,453,348	10,931,888,598,498

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Ngày 30 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (trình bày lại - thuyết minh số 29)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7,985,716,657,020	7,515,780,619,797
I. Nợ ngắn hạn	310		7,982,626,657,020	7,511,246,990,370
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	2,877,529,950,822	3,473,883,046,016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	156,384,813,862	268,604,293,557
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		670,086,726,470	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	17	78,552,102,125	31,262,928,724
5. Phải trả người lao động	315		25,121,899,716	30,158,411,816
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	650,662,248,131	432,483,797,296
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	16	10,936,321,611	564,002,834,986
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	3,513,352,594,283	2,710,851,677,975
II. Nợ dài hạn	330		3,090,000,000	4,533,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	338	16	3,090,000,000	4,533,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,333,526,796,328	3,416,107,978,701
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	3,333,526,796,328	3,416,107,978,701
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,235,201,690,000	2,213,201,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,235,201,690,000	2,213,201,690,000
2. Thặng dư vốn	412		61,173,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(6,349,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,043,101,282,078	1,147,545,464,451
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		256,293,764,451	632,515,079,070
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		786,807,517,627	515,030,385,381
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11,319,243,453,348	10,931,888,598,498

NGƯỜI LẬP



Trần Quế Tâm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Mai Hân

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Đoàn Hồng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

CHỈ TIÊU			Mã số	Thuyết minh	Quý III		Đơn vị tính: VND	
					Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			01	20.1	10,433,825,094,278	7,112,896,866,771	25,698,561,890,165	17,785,257,050,110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			02	20.1	(114,732,293,964)	(95,835,822,027)	(512,098,135,473)	(308,145,709,175)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			10	20.1	10,319,092,800,314	7,017,061,044,744	25,186,463,754,692	17,477,111,340,935
4. Giá vốn hàng bán			11	21	(9,515,828,801,652)	(6,437,736,600,927)	(22,785,185,516,976)	(16,107,799,242,090)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			20		803,263,998,662	579,324,443,817	2,401,278,237,716	1,369,312,098,845
6. Doanh thu hoạt động tài chính			22	20.2	98,078,961,576	69,836,995,766	253,036,237,626	190,631,424,878
7. Chi phí tài chính			23	22	(123,782,241,705)	(61,280,157,014)	(253,424,424,255)	(156,093,523,673)
Trong đó: chi phí lãi vay			24	22	(67,584,922,450)	(48,928,003,670)	(167,383,159,504)	(96,872,004,157)
8. Chi phí bán hàng			25	23	(413,423,623,902)	(364,838,482,958)	(1,324,140,068,337)	(850,358,005,013)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp			26	23	(45,480,602,723)	(36,455,744,988)	(123,961,576,679)	(105,034,351,460)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			30		318,656,491,908	186,587,054,623	952,788,406,071	448,457,643,577
11. Thu nhập khác			31	24	14,613,377,219	2,946,097,746	33,673,618,051	3,528,648,252
12. Chi phí khác			32	24	(1,621,787,067)	(1,696,083,036)	(4,927,750,960)	(5,138,245,588)
13. Lợi nhuận khác			40	24	12,991,590,152	1,250,014,710	28,745,867,091	(1,609,597,336)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			50		331,648,082,060	187,837,069,333	981,534,273,162	446,848,046,241
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			51	26	(80,186,043,275)	(52,381,173,847)	(242,603,274,057)	(82,897,873,733)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			52		13,513,022,050	14,945,626,520	47,876,518,522	(7,322,638,619)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			60		264,975,060,835	150,401,522,006	786,807,517,627	356,627,533,889

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đoàn Hồng Việt

Vũ Thị Mai Hân

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B03-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 29)	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 29)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		331,648,082,060	187,837,069,333	981,534,273,162	446,848,046,241
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3,287,240,652	3,997,991,823	10,293,632,859	11,365,380,376
- Các khoản dự phòng	03		122,358,678,567	121,970,098,099	29,231,835,835	55,357,833,392
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(14,062,221,253)	(12,247,327,460)	(74,205,585,569)	(47,036,742,692)
- Chi phí lãi vay	06		67,584,922,450	48,928,003,670	167,383,159,504	96,872,004,157
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		510,816,702,476	350,485,835,465	1,114,237,315,791	563,406,521,474
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,176,282,497,318)	(1,648,285,812,450)	(1,313,665,366,724)	(2,093,552,523,558)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,073,688,966,992	479,738,396,809	(145,979,737,424)	370,212,542,064
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1,643,788,970,470)	71,529,327,609	(1,050,643,114,711)	(176,663,336,045)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		194,423,274	(2,559,929,513)	5,353,628,856	1,137,456,665
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		100,652,216,607	-	572,446,005,000	-
- Chi phí đã trả	14		(71,587,910,341)	(50,086,454,182)	(163,981,244,346)	(96,070,003,339)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(98,616,474,748)	(30,135,605,897)	(198,075,946,506)	(75,672,581,279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,304,903,543,528)	(829,314,242,159)	(1,180,308,460,064)	(1,507,201,324,018)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

		QUÝ III		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 29)	Năm nay	Năm trước (trình bày lại - thuyết minh 29)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(61,700,000)	(72,737,500)	(1,424,475,000)	(214,363,864)	
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(150,961,326,748)	(62,642,956,322)	(230,793,095,000)	(300,929,475,029)	
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	81,100,000,000	166,454,101,387	124,650,825,241	469,938,626,197	
4.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	-	(82,357,761,088)	(35,400,000,000)	
5.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	32,800,000,000	-	32,800,000,000	
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14,098,214,170	(10,478,550,829)	74,241,578,486	54,092,394,516	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(55,824,812,578)	126,059,856,736	(115,682,927,361)	220,287,181,820	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	22,000,000,000	19,913,000,000	22,000,000,000	19,913,000,000	
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của đã phát hành	(30,000,000)	-	(107,000,000)	-	
3.	Tiền thu từ đi vay	5,303,712,865,561	3,752,073,556,114	13,815,344,971,792	10,147,573,894,070	
4.	Tiền trả nợ gốc vay	(4,869,331,506,483)	(3,491,467,660,719)	(13,012,844,055,484)	(9,431,465,523,292)	
5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-	(221,168,700,000)	(109,584,350,000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	456,351,359,078	280,518,895,395	603,225,216,308	626,437,020,778	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(904,376,997,028)	(422,735,490,028)	(692,766,171,117)	(660,477,721,420)	
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1,931,283,867,847	1,117,888,555,970	1,719,673,041,936	1,355,630,787,362	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1,026,906,870,819	695,153,065,942	1,026,906,870,819	695,153,065,942	

NGƯỜI LẬP

Trần Quế Tâm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Mai Hân

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 03023861742

Đoàn Hồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2026 là 500 (ngày 30 tháng 09 năm 2025: 490).

Cơ cấu tổ chức:

Các đơn vị trực thuộc - hoạt động theo ủy quyền của Công ty bao gồm:

(1) Chi nhánh Công ty Cổ phần Thế Giới số	0302861742-001	Hạch toán phụ thuộc
(2) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thế Giới Số tại Đà Nẵng	0302861742-002	Hạch toán phụ thuộc
(3) Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thế Giới Số - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	0302861742-003	Hạch toán phụ thuộc
(4) Chi nhánh Nguyễn Đình Chiểu - Công ty Cổ Phần Thế Giới Số. (**)	0302861742-004	Hạch toán phụ thuộc

(*) Đã chấm dứt hoạt động chi nhánh theo thông báo của Phòng đăng ký Kinh doanh, Sở Tài Chính, Thành phố Hồ Chí Minh, số 351173/26 ngày 29 tháng 04 năm 2026.

(**) Đã chấm dứt hoạt động chi nhánh theo thông báo của Phòng đăng ký Kinh doanh, Sở Tài Chính, Thành phố Hồ Chí Minh, số 399565/26 ngày 15 tháng 05 năm 2026.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi ích	Quyền biểu quyết
			%	%	%	%
Công ty con trực tiếp						
(1) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	89.85	89.85	90	90
Công ty con gián tiếp						
(1) Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology ("1 Digital")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("C.L")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	99,811	99,811	99,15	99,15
(3) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina ("Bellvina")	Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán hàng tiêu dùng	76,99	76,99	76,99	76,99
(4) Công ty TNHH Một Thành Viên Dpharma ("Dpharma")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	100	100	100	100
(5) Công ty Cổ phần Achison ("Achison")	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn và mua bán giải pháp bảo hộ lao động	76,99	76,99	76,99	76,99
(6) Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	89.85	89.85	90	90
Công ty liên kết gián tiếp						
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối dược phẩm	36,00	36,00	36,00	36,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026 đề ngày 28 tháng 10 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ kế toán chín (09) tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99").

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư số 99

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại *Thuyết minh số 29*.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá hàng tồn kho đó được xác định như sau: Hàng Hóa – Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích lập dự phòng phải thu (%)</i>
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm

Tài sản cố định hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. Tài sản cố định vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay, được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

- Chi phí về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động TSCĐ đã phát sinh phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí bảo hiểm.
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.14 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ).

Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của Công ty.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty phát sinh thì Công ty sử dụng một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu mua lại của chính mình) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo phê duyệt của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, Doanh thu cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi nhận giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng.

3.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ này và kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám Đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	73,693,000	69,379,000
Tiền gửi không kỳ hạn	331,074,140,282	338,700,116,658
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	188,133,587,979	54,851,623,892
- Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam)	32,496,036,750	33,404,663,850
- Khác	110,444,515,553	250,443,828,916
Các khoản tương đương tiền (*)	695,759,037,537	1,380,903,546,278
TỔNG CỘNG	1,026,906,870,819	1,719,673,041,936

(*) Các khoản tương đương tiền vào 30 tháng 09 năm 2026 bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng với tổng giá trị 695.759.037.537 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 9%/năm đến 12%/năm. Giá trị các khoản trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, chi tiết như sau:

	Lãi suất % năm	Ngày đáo hạn	Số cuối kỳ VND
Công ty Cổ phần In Và Bao Bì Goldsun	9.00%	từ 30.11.2026 đến 01.12.2026	373,354,211,403
Công ty TNHH Lạc Việt Quy Nhơn	12.00%	23.12.2026	120,256,129,163
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	9.00%	01.12.2026	101,733,135,046
Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ	10.50%	06.11.2026	100,415,561,925
TỔNG CỘNG			695,759,037,537

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	199,890,655,000	772,336,660,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	207,015,599,814	101,638,289,327
TỔNG CỘNG	406,906,254,814	873,974,949,327
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(33,667,975,000)	(90,888,205,000)
GIÁ TRỊ THUẦN	373,238,279,814	783,086,744,327

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Số cuối kỳ thể hiện giá trị gốc của khoản đầu tư cổ phiếu vào các công ty niêm yết với mục đích kinh doanh như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	-	227,249,880,000	215,160,000,000	(12,089,880,000)
Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	199,890,655,000	166,222,680,000	(33,667,975,000)	-	-	-
Khác	-	-	-	545,086,780,000	466,288,455,000	(78,798,325,000)
TỔNG CỘNG	199,890,655,000	166,222,680,000	(33,667,975,000)	772,336,660,000	681,448,455,000	(90,888,205,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 bao gồm trái phiếu và các khoản cho vay trong khoảng thời gian trên 3 tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 8.10%/năm đến 11.54%, Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Trái phiếu						
- Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	100,473,927,484	100,473,927,484	-			
Cho vay						
- Công ty Cổ phần Việt Money	106,541,672,330	106,541,672,330	-	86,129,154,111	86,129,154,111	-
- Công ty cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	-	-	-	15,509,135,216	15,509,135,216	-
TỔNG CỘNG	207,015,599,814	207,015,599,814	-	101,638,289,327	101,638,289,327	-

Chi tiết về Trái phiếu và phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp như sau:

	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm
Trái phiếu			
- Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	100,473,927,484	18.01.2027	11.54%
Cho vay			
- Công ty Cổ phần Việt Money	106,541,672,330	05.11.2026-27.08.2027	8.10%
TỔNG CỘNG	207,015,599,814		

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Phải thu các bên khác	4,240,191,921,504	2,978,823,819,973
- Công Ty Cổ Phần Đầu tư Điện Máy Xanh & Hệ thống các chi nhánh	1,123,165,332,232	774,511,088,750
- Công ty Cổ Phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT & Hệ thống các chi nhánh.	405,249,828,220	184,820,334,877
- Tổng công ty công nghiệp công nghệ cao Viettel - Chi nhánh tập đoàn công nghiệp - viễn thông Quân đội.	502,201,861,920	146,126,468,880
- Khác	2,209,574,899,132	1,873,365,927,466
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 26)	19,434,333,261	29,335,058,203
TỔNG CỘNG	4,259,626,254,765	3,008,158,878,176
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5,022,361,945)	(2,765,004,424)
GIÁ TRỊ THUẦN	4,254,603,892,820	3,005,393,873,752

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	144,480,172,248	61,007,442,221
- Hp Pps Singapore (Sales) Pte Ltd	53,055,474,993	-
- Công Ty TNHH Công Nghệ Hp Việt Nam	48,610,227,190	-
- Công Ty TNHH Công Nghệ Huawei Việt Nam	24,136,356,313	61,007,442,221
- Cn Công Ty TNHH Cuckoo Vina Tại Tp Hồ Chí Minh	18,678,113,752	-
Khác	25,838,928,505	26,497,788,323
TỔNG CỘNG	170,319,100,753	87,505,230,544

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	639,046,736	644,236,392
Đặt cọc, ký quỹ	4,365,457,104	1,036,778,288
Phải thu khác	9,755,136,767	11,192,732,216
TỔNG CỘNG	14,759,640,607	12,873,746,896
Dự phòng phải thu khác	(5,971,042,078)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	8,788,598,529	12,873,746,896
Dài hạn	10,319,861,963	13,244,678,567
Đặt cọc, ký quỹ		
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3,742,457,104	3,742,457,104
Phải thu bên khác	15,366,003,388	22,375,968,359

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	4,403,239,475,817	3,378,752,635,690
Hàng hóa đang đi đường	14,345,111,779	983,128,213,467
Hàng gửi đi bán	117,503,856,225	7,257,006,597
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,009,501,051	21,223,207,913
TỔNG CỘNG	4,536,097,944,872	4,390,361,063,667
Dự phòng Hàng tồn kho (hàng hóa, hàng gửi đi bán)	(212,110,315,455)	(133,886,649,219)
GIÁ TRỊ THUẦN	4,323,987,629,417	4,256,474,414,448

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu kỳ	133,886,649,219	126,343,098,189
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	187,468,256,961	200,484,084,025
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(109,244,590,725)	(192,940,532,995)
Số cuối kỳ	212,110,315,455	133,886,649,219

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	13,586,771,875	16,809,330,147
Công cụ, dụng cụ	227,812,496	128,947,676
TỔNG CỘNG	13,814,584,371	16,938,277,823
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1,482,719,987	1,584,064,791
Chi phí hoạt động	7,574,875,927	9,703,466,527
TỔNG CỘNG	9,057,595,914	11,287,531,318

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Số đầu năm	41,968,230,735	5,705,852,520	55,342,849,696	5,179,204,680	108,196,137,631
Mua sắm	-	-	-	1,455,556,219	1,455,556,219
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(20,785,050,000)	-	-	-	(20,785,050,000)
Số dư cuối kỳ	21,183,180,735	5,705,852,520	55,342,849,696	6,634,760,899	88,866,643,850
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		5,258,082,087	11,619,314,916	2,836,206,924	19,713,603,927
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	(15,032,643,255)	(5,501,976,918)	(30,453,800,994)	(3,615,239,601)	(54,603,660,768)
Khấu hao trong năm	(640,203,822)	(65,025,071)	(5,702,691,439)	(820,755,921)	(7,228,676,253)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	1,108,536,000				1,108,536,000
Số dư cuối kỳ	(14,564,311,077)	(5,567,001,989)	(36,156,492,433)	(4,435,995,522)	(60,723,801,021)
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	26,935,587,480	203,875,602	24,889,048,702	1,563,965,079	53,592,476,863
Tại ngày cuối kỳ	6,618,869,658	138,850,531	19,186,357,263	2,198,765,377	28,142,842,829

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Chi tiết các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu:

	Số cuối kỳ	VND
	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Nguyên giá
PT phục vụ công tác & giao dịch đối tác của Ban Lãnh đạo_MB06689	10,945,980,700	10,945,980,700
PT phục vụ công tác & giao dịch đối tác của Ban Lãnh đạo_RR72989	10,684,741,817	10,684,741,817
PT phục vụ công tác & giao dịch đối tác của Ban Lãnh đạo_AM3966	15,607,812,263	15,607,812,263

Chi tiết TSCĐ hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư trong kỳ:

	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Bất động sản Ngân Hiệp 1	20,785,050,000	(1,108,536,000)	19,676,514,000

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	VND
Nguyên giá			Tổng cộng
Số đầu năm	28,544,490,304	57,382,176,180	85,926,666,484
Mua sắm	211,775,000	-	211,775,000
Số dư cuối kỳ	28,756,265,304	57,382,176,180	86,138,441,484
Trong đó đã hao mòn hết	11,416,419,512		
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(15,853,112,251)	-	(15,853,112,251)
Khấu hao trong năm	(3,064,956,606)	-	(3,064,956,606)
Số dư cuối kỳ	(18,918,068,857)		(18,918,068,857)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	12,691,378,053	57,382,176,180	70,073,554,233
Số dư cuối kỳ	9,838,196,447	57,382,176,180	67,220,372,627

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số cuối kỳ	VND
	Số đầu năm	
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	19,676,514,000	-
Bất động sản Ngân Hiệp 1	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế
Số đầu năm	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	20,785,050,000	(1,108,536,000)
Số cuối kỳ	20,785,050,000	(1,108,536,000)
		Giá trị còn lại
		19,676,514,000

(*) Ngày 01 tháng 03 năm 2026, Công ty đã thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng một tài sản cố định hữu hình sang bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 09 năm 2026. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kết toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư vào công ty con	534,950,757,083	-	534,950,757,083	452,637,988,912	-	452,637,988,912
Đầu tư vào đơn vị khác	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083
TỔNG CỘNG	575,184,731,690	(17,420,213,524)	557,764,518,166	492,871,963,519	(17,420,213,524)	475,451,749,995

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Giá trị còn lại VND	Giá trị còn lại VND
Đầu tư vào công ty con trực tiếp						
Công ty TNHH Nexta Capital (*)	100	508,000,000,000	-	508,000,000,000	-	425,642,238,912
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam (**)	89.85	26,950,757,083	-	26,950,757,083	-	26,995,750,000
TỔNG CỘNG		534,950,757,083	-	534,950,757,083	-	452,637,988,912

(*) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0318829328 do SKHĐT cấp ngày 6 tháng 2 năm 2025 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Nexta là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tái chính, kế toán). Nexta có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 19 tháng 03 năm 2026, Công ty hoàn thành góp vốn thêm vào Nexta bằng tiền với tổng giá trị là 82.357.761.088 VND.

(**) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314800952 do SKHĐT cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của B2X là cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính và các dịch vụ máy tính khác. B2X có trụ sở đăng ký tại số 282 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại VND
Công ty TNHH Digiworld Venture (*)	19	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083	19	40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083
TỔNG CỘNG		40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083		40,233,974,607	(17,420,213,524)	22,813,761,083

(*) Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Xiaomi Việt Nam	687,286,868,545	733,816,199,624
Công Ty TNHH Apple Việt Nam	542,765,675,016	708,594,364,805
Asus Global Pte. Ltd.	458,663,782,652	1,031,772,003,394
Super Micro Computer, Inc. Taiwan	435,191,773,934	2,917,080,096
Nhà cung cấp khác	753,621,850,675	996,773,678,089
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	9,720,008
TỔNG CỘNG	2,877,529,950,822	3,473,883,046,016

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xiaomi H.K Limited	79,158,393,415	70,554,215,438
Công Ty Cổ Phần Greennode	23,476,595,083	-
Amd International Sales & Service, Ltd.	14,969,032,667	17,160,042,894
Khác	38,780,792,697	180,890,035,225
TỔNG CỘNG	156,384,813,862	268,604,293,557

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	188,963,382,022	247,087,720,818
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	444,598,469,029	168,365,898,526
Chi phí lãi vay	9,444,998,810	6,043,083,652
Khác	7,655,398,270	10,987,094,300
TỔNG CỘNG	650,662,248,131	432,483,797,296
Trong đó		
Phải trả bên khác	650,662,248,131	430,197,688,433
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	2,286,108,863

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

16. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Bao thanh toán (*)		522,704,647,375
Chi trả hộ	4,394,208,715	30,304,028,483
Phải trả BHXH, BHYT, CĐ, trợ cấp thất nghiệp	3,028,179,538	2,957,258,441
Nhận ký quỹ, ký cược	3,380,000,000	3,831,733,700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	133,933,358	4,205,166,987
Cộng	10,936,321,611	564,002,834,986
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3,090,000,000	4,533,629,427
Cộng	3,090,000,000	4,533,629,427
TỔNG CỘNG	14,026,321,611	568,536,464,413

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Phải thu				VND
Thuế giá trị gia tăng	290,242,666,097	2,869,627,941,903	(2,888,395,688,208)	271,474,919,792
Thuế xuất, nhập khẩu	1,110,409,821	23,635,146,427	(23,634,405,114)	1,111,151,134
TỔNG CỘNG	291,353,075,918	2,893,263,088,330	(2,912,030,093,322)	272,586,070,926
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30,782,519,074	242,603,274,057	(198,075,946,506)	75,309,846,625
Thuế thu nhập cá nhân	479,648,877	11,003,420,659	(8,241,523,008)	3,241,546,528
Thuế GTGT phải nộp	760,773	3,117,576,885,657	(3,117,576,937,458)	708,972
Thuế khác	-	1,429,197,753	(1,429,197,753)	-
TỔNG CỘNG	31,262,928,724	3,372,612,778,126	(3,325,323,604,725)	78,552,102,125

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	2,710,851,677,975	13,225,801,487,869	(12,423,300,571,561)	3,513,352,594,283
Vay từ tổ chức khác	-	589,543,483,923	(589,543,483,923)	-
	2,710,851,677,975	13,815,344,971,792	(13,012,844,055,484)	3,513,352,594,283

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối kỳ	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1. Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	1,159,498,633,651	Từ ngày 12/10/2026 đến ngày 30/11/2026	7.10%	Không có tài sản đảm bảo
2. Ngân Hàng TNHH MTV Hsbc (Việt Nam)	776,281,775,720	Từ ngày 28/10/2026 đến ngày 02/12/2026	Từ 7.00% đến 7.40%	Không có tài sản đảm bảo
3. Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TP.HCM	614,364,392,167	Từ ngày 13/10/2026 đến ngày 29/12/2026	7.40%	Không có tài sản đảm bảo
4. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	391,471,428,600	Ngày 02/11/2026	8.50%	Không có tài sản đảm bảo
5. Ngân Hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	373,259,399,266	Từ ngày 05/10/2026 đến ngày 27/11/2026	Từ 7.20% đến 7.30%	Không có tài sản đảm bảo
6. Ngân Hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	198,476,964,879	Từ ngày 28/10/2026 đến ngày 29/12/2026	Từ 7.20% đến 7.40%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	3,513,352,594,283			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
							VND
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000		61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	742,099,429,070	2,990,661,943,320
Cổ tức công bố bằng tiền	-		-	-	-	(109,584,350,000)	(109,584,350,000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-		-	-	-	356,627,533,889	356,627,533,889
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2025	2,193,201,690,000		61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	989,142,612,959	3,237,705,127,209
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	2,213,201,690,000		61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,147,545,464,451	3,416,107,978,701
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	22,000,000,000						22,000,000,000
Chi phí phát hành cổ phiếu			(60,000,000)				(60,000,000)
Cổ tức công bố bằng tiền (**)	-		-	-	-	(891,251,700,000)	(891,251,700,000)
Mua lại Cổ phiếu (***)	-		-	(77,000,000)	-	-	(77,000,000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-		-	-	-	786,807,517,627	786,807,517,627
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026	2,235,201,690,000		61,173,761,416	(6,349,937,166)	400,000,000	1,043,101,282,078	3,333,526,796,328

Vào ngày 26 tháng 08 năm 2026, Công ty công bố đã hoàn thành việc phát hành 2.200.000 cổ phiếu này. Vào ngày 08 tháng 09 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2026, và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/2026/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 07 năm 2026. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNCKDN điều chỉnh lần thứ 37 do SKHĐT cấp ngày 18 tháng 09 năm 2026, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.235.201.690.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

(**) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết 16/2026/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 04 năm 2026 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 1.000 VND) với tổng số tiền là 221.168.700.000VND. Việc chi trả cổ tức đã hoàn tất trong tháng 5/2026.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2026, kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 bằng tiền được thông qua với mức 3.000 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền dự kiến là 670.083.000.000 đồng, chia thành 03 đợt, Mỗi đợt chi trả 1.000 đồng/cổ phiếu, thời gian dự kiến:

Đợt 1: Quý IV năm 2026.

Đợt 2: Quý I năm 2027.

Đợt 3: Quý II năm 2027

Thực hiện kế hoạch trên, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐQT ngày 21/09/2026 về phương án tạm ứng cổ tức năm 2026 đợt 1 bằng tiền, với mức chi trả 1.000 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền dự kiến trong Quý 4.2026 là 223.361.000.000 đồng.

(***) Vào ngày 10 tháng 06 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 20/2026/NQ-HĐQT về việc mua lại 7.700 cổ phiếu của những nhân việc nghỉ việc theo quy chế phát hành ESOP năm 2024 và 2025, với giá mua là 10.000 VND/ cổ phiếu. Từ ngày 26 tháng 06 năm 2026 đến ngày 07 tháng 07 năm 2026, Công ty đã hoàn thành việc mua lại này.

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2,213,201,690,000	2,193,201,690,000
Phát hành cổ phiếu ESOP	22,000,000,000	-
Số cuối kỳ	2,235,201,690,000	2,193,201,690,000

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	223,520,169	223,520,169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	223,520,169	223,520,169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	223,520,169	223,520,169
Cổ phiếu mua lại của chính mình	(159,169)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(159,169)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	223,361,000	223,368,700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	223,361,000	223,368,700

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 30 tháng 09 năm 2026: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

20. DOANH THU**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tổng doanh thu:	25,698,561,890,165	17,785,257,050,110
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	25,477,904,821,475	17,454,170,944,693
Doanh thu cung cấp dịch vụ	220,657,068,690	331,086,105,417
Các khoản giảm trừ doanh thu	(512,098,135,473)	(308,145,709,175)
Chiết khấu thương mại	(464,551,641,717)	(292,088,282,475)
Hàng bán bị trả lại	(47,546,493,756)	(16,057,426,700)
DOANH THU THUẦN	25,186,463,754,692	17,477,111,340,935
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu đối với bên khác	25,032,892,068,258	17,317,194,265,043
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	153,571,686,434	159,917,075,892

20. DOANH THU (tiếp theo)**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	8,252,368,892	12,029,497,860
Lãi chênh lệch tỷ giá	58,675,650,938	53,696,091,402
Chiết khấu thanh toán được hưởng	90,917,785,851	53,045,494,891
Lãi trái phiếu	57,133,034,594	37,882,279,467
Lãi do thanh lý chứng khoán kinh doanh	28,780,987,663	29,480,481,193
Cổ tức được chia bằng tiền	8,856,175,000	-
Khác	420,234,688	4,497,580,065
Cộng	253,036,237,626	190,631,424,878

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	22,657,828,747,448	15,851,350,335,123
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	127,356,769,528	256,448,906,967
	22,785,185,516,976	16,107,799,242,090

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí đi vay	167,383,159,504	96,872,004,157
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	36,550,365,395	41,389,709,083
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14,622,304,891	13,704,475,813
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	33,667,975,000	-
Lỗ do bán cổ phần/ thanh lý công ty con	35,992,917	2,875,034,635
Chi phí tài chính khác	1,164,626,548	1,252,299,985
Cộng	253,424,424,255	156,093,523,673

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	48,139,832,349	46,376,825,765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69,211,727,806	35,802,923,972
Chi phí vận chuyển	43,034,008,124	33,278,427,472
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	1,158,006,346,375	726,014,569,728
Chi phí khác	5,748,153,683	8,885,258,076
	1,324,140,068,337	850,358,005,013
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	59,280,755,155	50,143,178,939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,241,381,930	25,987,617,041
Chi phí khác	36,439,439,594	28,903,555,480
	123,961,576,679	105,034,351,460
TỔNG CỘNG	1,448,101,645,016	955,392,356,473

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	33,673,618,051	3,528,648,252
Các khoản được hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng,...	26,331,145,472	389,395,002
Thu nhập từ bồi thường, phạt hợp đồng	5,759,817,836	3,039,860,821
Khác	1,582,654,743	99,392,429
Chi phí khác	4,927,750,960	5,138,245,588
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	4,883,223,221	5,087,839,054
Các khoản bị phạt	43,171,352	50,003,083
Khác	1,356,387	403,451
THU NHẬP THUẦN	28,745,867,091	(1,609,597,336)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng và dịch vụ	22,785,185,516,976	16,107,799,242,090
Chi phí nhân công	107,420,587,504	96,520,004,704
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	10,293,632,859	11,365,380,376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140,487,117,860	95,068,968,485
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	1,158,006,346,375	726,014,569,728
Chi phí bằng tiền khác	31,893,960,418	26,423,433,180
24,233,287,161,992	17,063,191,598,563	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	242,603,274,057	82,897,873,733
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(47,876,518,522)	7,322,638,619
TỔNG CỘNG	194,726,755,535	90,220,512,352

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	981,534,273,162	446,848,046,241
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	196,306,854,632	89,369,609,248
Các khoản điều chỉnh khác		
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	1,345,641,731	1,096,523,338
<i>Thu nhập thuộc diện nộp thuế TNDN đã ghi nhận kỳ trước</i>	(1,154,505,828)	-
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN</i>	(1,771,235,000)	-
<i>Khác</i>		(245,620,234)
Chi phí thuế TNDN	194,726,755,535	90,220,512,352

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng		
	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí phải trả	130,144,053,510	86,501,188,330
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	42,422,063,090	26,777,329,843
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5,572,352,679	18,177,641,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	3,484,042,705	3,484,042,705
Dự phòng phải thu khác	1,194,208,416	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	182,816,720,400	134,940,201,878

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng		
	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí phải trả	43,642,865,181	(2,559,620,928)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15,644,733,247	10,966,732,678
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(12,605,288,322)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(15,729,750,369)
Dự phòng phải thu khác	1,194,208,416	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	47,876,518,522	(7,322,638,619)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	TV HĐQT/ Chủ tịch Ban KTNB trực thuộc HĐQT
Ông Trần Bảo Minh	TV HĐQT/ Thành viên Ban KTNB trực thuộc HĐQT
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	TV HĐQT/ Thành viên Ban KTNB trực thuộc HĐQT
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Nexta Capital	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV DPharma	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ năm nay và kỳ năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này	VND Kỳ trước
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	104,490,540,008	69,981,910,462
		Mua dịch vụ, hàng hóa	104,509,598	92,154,993,957
		Lãi cho vay	550,832,878	2,043,685,841
		Cho vay	30,900,000,000	161,650,000,000
		Thu tiền cho vay	30,900,000,000	157,600,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	582,782,150	208,874,560
		Mua dịch vụ, hàng hóa	809,715,806	855,894,416
		Lãi cho vay	203,311,593	3,959,413,408
		Cho vay	-	42,039,194,559
		Thu tiền cho vay	15,492,391,908	210,577,892,863
Công ty Cổ phần A Chi Sơn và chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	3,429,108,018	3,298,727,281
		Lãi cho vay	-	199,213,014
		Cho vay	-	18,800,000,000
		Thu tiền cho vay	-	36,400,000,000
Công ty TNHH MTV DPHARMA	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ, hàng hóa	4,563,204,143	3,922,362,315
Công ty TNHH Nexta Capital	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	82,357,761,088	35,400,000,000
		Bán hàng hóa, dịch vụ	81,818,181	27,272,727
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	44,801,327,929	86,365,030,648
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	186,110,148	533,818,803
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT	Thuê nhà	270,000,000	120,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

B09-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của Khách hàng				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	16,325,892,184	15,415,702,591
Công ty cổ phần A Chi Son	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	-	13,846,000
Chi nhánh Công ty cổ phần A Chi Son	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	-	104,724,401
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	Công ty con trực tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	-	56,671,464
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	3,108,441,077	13,744,113,747
			19,434,333,261	29,335,058,203

Phải thu ngắn hạn khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Đặt cọc, ký quỹ	
		3,742,457,104	3,742,457,104

Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Thủ lao	
		Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	175,397,000	139,481,000
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	174,826,500	142,010,000
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	164,497,500	133,658,000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	90,000,000	90,000,000
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	90,000,000	90,000,000
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên độc lập	50,000,000	-
		744,721,000	595,149,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

28. CÁC CAM KẾT***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	61,720,265,772	52,250,213,994
Từ 1 đến 5 năm	60,642,195,696	77,198,242,385
Trên 5 năm	-	11,000,000
TỔNG CỘNG	122,362,461,468	129,459,456,379

Bảo lãnh

Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology, Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L và Công ty Cổ phần Achison với số tiền tối đa lần lượt là 176.000.000.000 VND, 550.000.000.000 VND và 280.000.000.000 VND.

29. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của Báo cáo tài chính riêng đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

Báo cáo Tình hình Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

				VND
Nội dung các chỉ tiêu trình bày lại	Mã số	Số cuối năm (được trình bày lại)	Phân loại, trình bày lại	Số cuối năm (đã được trình bày trước đây)
Tổng các chỉ tiêu trình bày lại		1,495,415,582,501	-	1,495,415,582,501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền				
Các khoản tương đương tiền	112	1,380,903,546,278	6,840,702,868	1,374,062,843,410
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.	123	101,638,289,327	101,638,289,327	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	(101,450,825,241)	101,450,825,241
Phải thu ngắn hạn khác	135	12,873,746,896	(7,028,166,954)	19,901,913,850

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026

29. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99 (tiếp theo)**Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:**

Nội dung các chỉ tiêu trình bày lại		Kỳ trước (được trình bày lại)	Phân loại, trình bày lại	VND Kỳ trước (đã được trình bày trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(908,424,394,347)	7,028,166,954	(915,452,561,301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(138,519,797,332)	7,028,166,954	(145,547,964,286)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(101,638,289,327)	256,010,179,565	(357,648,468,892)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	295,489,850,231	(256,197,643,651)	551,687,493,882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	255,668,725,843	(187,464,086)	255,856,189,929
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	363,767,282,540	6,840,702,868	356,926,579,672
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,719,673,041,936	6,840,702,868	1,712,832,339,068

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2025:

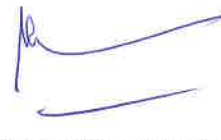
Nội dung các chỉ tiêu trình bày lại		Kỳ trước (được trình bày lại)	Phân loại, trình bày lại	VND Kỳ trước (đã được trình bày trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2,093,552,523,558)	(3,621,583,740)	(2,097,174,107,298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,507,201,924,018)	(3,621,583,740)	(1,510,823,507,758)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(300,929,475,029)	181,847,137	(300,747,627,892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	220,287,181,820	181,847,137	220,469,028,957
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(660,477,721,420)	(3,439,736,603)	(663,917,458,023)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	695,153,065,942	(3,439,736,603)	691,713,329,339

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

NGƯỜI LẬP


Trần Quốc Tâm

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Vũ Thị Mai Hân

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

